

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐẠI PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1619/QĐ-UBND

Đại Phúc, ngày 26 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai dự toán ngân sách xã Đại Phúc năm 2025
(Dự toán trình HĐND xã)**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐẠI PHÚC

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước;

Căn cứ Tờ trình số: 106/TTr-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Đại Phúc về việc phân bổ dự toán ngân sách nhà nước xã Đại Phúc năm 2026 (dự toán trình HĐND xã);

Xét đề nghị của Trưởng phòng kinh tế xã Đại Phúc;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách xã Đại Phúc năm 2026 dự toán trình HĐND xã (Theo các biểu chi tiết từ biểu 103/CKTC-NSNN đến biểu 107/CKTC-NSNN và thuyết minh đính kèm)

Điều 2. Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã; Thủ trưởng các phòng chuyên môn, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND xã và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tài chính Thái Nguyên;
- TT Đảng ủy - Thường trực HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể xã;
- Trang thông tin điện tử xã;
- Lưu: VP, KT.



CHỦ TỊCH



Phạm Hoài Nam

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NĂM 2026

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

(Kèm theo Quyết định số ~~1619~~/QĐ-UBND ngày 26 /12/2025 của UBND xã Đại Phúc)

Đơn vị tính: Đồng

Nội dung	Ước thực hiện năm 2025		Dự toán năm 2026		So sánh (%)	
	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
	1	2	3	4	5= 3/1	6= 4/2
Tổng số thu ngân sách trên địa bàn	342.443.000.000	649.750.825.556	516.155.000.000	429.898.250.000	150,7	0,7
Tổng thu ngân sách nhà nước	342.443.000.000		516.155.000.000	222.926.000.000	150,7	
I. Các khoản thu 100%	21.682.000.000	-	6.400.000.000	4.168.000.000	29,5	
- Phí, lệ phí	5.053.000.000		2.550.000.000	2.318.000.000	50,5	
- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	910.000.000		400.000.000	400.000.000	44,0	
- Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
- Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
- Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
- Đóng góp của nhân dân XD CSHT						
- Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
- Thu khác	15.719.000.000		3.450.000.000	1.450.000.000	21,9	
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	320.761.000.000	-	509.755.000.000	202.804.250.000	158,9	
1. Các khoản thu phân chia	52.248.000.000		49.045.000.000	49.045.000.000	93,9	
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1.477.000.000		620.000.000	620.000.000	42,0	
- Thu Thuế NQD	28.083.000.000		28.150.000.000	28.150.000.000	100,2	
- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh			-			

Nội dung	Ước thực hiện năm 2025		Dự toán năm 2026		So sánh (%)	
	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
	1	2	3	4	5= 3/1	6= 4/2
- Lệ phí trước bạ nhà, đất	22.688.000.000		20.275.000.000	20.275.000.000	89,4	
2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	268.513.000.000		460.710.000.000	153.759.250.000	171,6	
- Thu cấp quyền sử dụng đất	216.709.000.000		410.000.000.000	109.650.000.000	189,2	
- Thuế thu nhập cá nhân	14.482.000.000		12.145.000.000	12.145.000.000	83,9	
- Thu từ khu vực DNNN địa phương quản lý	1.392.000.000		960.000.000		69,0	
- Thu tiền thuê đất	35.930.000.000		37.605.000.000	31.964.250.000	104,7	
III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV. Thu chuyển nguồn		200.294.232.886				0,0
V. Thu kết dư ngân sách năm trước		15.496.812.346				0,0
VI. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		433.959.780.324	-	222.926.000.000		
- Bổ sung cân đối ngân sách		33.860.000.000		119.074.000.000		3,5
- Bổ sung có mục tiêu		400.099.780.324	-	103.852.000.000		0,3

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2026
(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)
(Kèm theo Quyết định số 44/QĐ-UBND ngày 26/12/2025 của UBND xã Đại Phúc)

Đơn vị tính: Đồng

Nội dung	Dự toán năm 2025			Dự toán năm 2026			So sánh (%)		
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
1	2	3	4	5	6	7	8= 5/2	9=6/3	10= 7/4
Tổng số chi	611.182.498.757	305.056.015.277	306.126.483.480	429.898.250.000	105.650.000.000	324.248.250.000	70	0	105,920
1. Chi giáo dục	156.345.880.097		156.345.880.097	192.291.000.000		192.291.000.000			
2. Chi công tác quốc phòng	3.253.833.072		3.253.833.072	2.454.000.000		2.454.000.000	75		75,419
3. Cho công tác an ninh	2.916.044.945		2.916.044.945	2.805.000.000		2.805.000.000	96		96,192
4. Chi y tế	1.618.766.000		1.618.766.000	-			0		0,000
5. Chi văn hóa, thông tin	3.258.071.613		3.258.071.613	600.000.000		600.000.000	18		18,416
6. Chi phát thanh, truyền thanh	-			250.000.000		250.000.000			
7. Chi thể dục, thể thao	392.740.000		392.740.000	300.000.000		300.000.000	76		76,386
8. Chi bảo vệ môi trường	70.000.000		70.000.000	4.581.000.000		4.581.000.000			6.544,286
9. Chi các hoạt động kinh tế (Chi XDGB)	13.110.031.798		13.110.031.798	16.111.000.000		16.111.000.000	123		122,891
10. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	89.176.315.997		89.176.315.997	29.553.250.000		29.553.250.000	33		33,140
11. Chi cho công tác xã hội	9.817.972.225		9.817.972.225	52.357.000.000		52.357.000.000	533		533,277
12. Sự nghiệp khoa học công nghệ				1.450.000.000		1.450.000.000			
13. Sự nghiệp đào tạo và dạy nghề				1.196.000.000		1.196.000.000			
14. Chi khác				6.200.000.000		6.200.000.000			
15. Chi CTMTQG	6.334.331.000	6.334.331.000		-					
16.Nguồn vốn ngân sách tỉnh đối ứng thực hiện CTMT quốc gia		2.971.429.000							
17. Chi đầu tư từ nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung		4.425.000.000							
18. Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất		73.315.000.000							
19. Dự phòng	6.470.000.000		6.470.000.000	8.100.000.000		8.100.000.000	125		125,193

KẾ HOẠCH THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2026

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

(Kèm theo Quyết định số 1619/QĐ-UBND ngày 26/12/2025 của UBND xã Đại Phúc)

Đơn vị tính: Đồng

Nội dung	Ước thực hiện năm 2025			Kế hoạch năm 2026		
	Thu	Chi	Chênh lệch (+) (-)	Thu	Chi	Chênh lệch (+) (-)
Tổng số	2.020.756.693	1.397.022.708	623.733.985	1.560.000.000	2.183.733.985	0
1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách	1.891.198.081	1.397.022.708	494.175.373	1.560.000.000	2.054.175.373	0
Da cam	24.487.204	24.487.204	0		0	
Đền ơn đáp nghĩa	374.601.636	330.000.000	44.601.636	500.000.000	544.601.636	
Quỹ bảo trợ trẻ em	527.313.272	336.600.000	190.713.272	300.000.000	490.713.272	
Quỹ chữ thập đỏ	145.920	145.920	0		0	
Quỹ vì người nghèo	425.334.493	332.000.000	93.334.493	400.000.000	493.334.493	
Quỹ nhân đạo	70.586.484	70.586.484	0		0	
Quỹ thanh niên xung phong	6.839.100	6.839.100	0		0	
Quỹ hội người cao tuổi	223.170.738	221.600.000	1.570.738	160.000.000	161.570.738	
Quỹ khuyến học	238.555.234	74.600.000	163.955.234	160.000.000	323.955.234	
Quỹ người mù	164.000	164.000	0	40.000.000	40.000.000	
2. Các hoạt động sự nghiệp			0		0	
3. Các khoản thu hộ chi hộ	129.558.612		129.558.612		129.558.612	

Ghi chú: Chênh lệch (+) thu lớn hơn chi

Chênh lệch (-) thu nhỏ hơn chi